

Bản án số: 31/2023/HS-ST

Ngày 21-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Văn Doanh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Thanh Lù.

Bà Nông Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Thảm Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 982/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Thị T, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1981, tại xóm P, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú: Xóm S, xã Đ, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L (đã chết) và bà Lý Thị N; Chồng: Trần Thanh T, con: có 01 con sinh năm 2007; tiền án: Không; Tiền sự: Tháng 4/2023 bị Hạt kiểm lâm huyện Hạ Lang, xử phạt 8.000.000 đồng về hành vi vi phạm quy tắc khai thác rừng.

Về nhân thân: 02 lần bị Công an phường Sông Hiến xử phạt tiền về hành vi đánh bạc vào năm 2007, 2008; 01 lần bị Công an tỉnh Cao Bằng xử phạt tiền về hành vi đánh bạc vào năm 2012. Tuy nhiên, đều đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo không bị bắt giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/8/2023 cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đoàn Thị Tâm - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mã Văn A, sinh năm 1976. Vắng mặt.

2. Bà Mông Thị H, sinh năm 1976. Vắng mặt.

3. Bà Mã Thị K, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Xóm C, xã Q, huyện L, tỉnh Cao Bằng.

4. Ông Phùng Chấn M, sinh ngày 1980. Vắng mặt.

5. Ông Phùng Sài C, sinh năm 1984. Có mặt.

6. Ông Phùng Chấn P, sinh năm 1979. Có mặt.

7. Ông Tấn Dấu L, sinh năm 1983. Có mặt.

8. Anh Phùng Sinh L1, sinh năm 2000. Có mặt.

9. Anh Phùng Tồn L2, sinh năm 1997. Có mặt.

10. Anh Tấn Dấu P1, sinh năm 1990. Có mặt.

11. Anh Tấn Dấu N, sinh năm 1990. Vắng mặt.

12. Anh Tấn Dấu T, sinh năm 1990. Có mặt.

13. Anh Tấn Phù G, sinh năm 1991. Có mặt.

14. Anh Tấn Phụ P2, sinh năm 2002. Có mặt.

Đều cư trú tại: Xóm M, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

15. Triệu Tồn N (con ông Phùng Chấn M), sinh năm 2004. Vắng mặt.

Trú tại: xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 35 phút ngày 11/10/2022, sau khi nhận được tin báo về việc khai thác rừng Ủy ban nhân dân (UBND) xã Lý Quốc đã cử người đến khu rừng phòng hộ có tên gọi là R, thuộc xóm C, xã Q, huyện L để kiểm tra thì thấy 12 người gồm: Phùng Chấn M, Phùng Sài C, Phùng Chấn P, Tấn Dấu L, Phùng Sinh L1, Phùng Tồn L2, Tấn Dấu P1, Tấn Dấu N, Tấn Dấu T, Tấn Phù G, Tấn Phụ P2 và Triệu Tồn N đang khai thác cây Thông, sự việc được lập biên bản và người được mời về trụ sở để làm rõ. Ngày 12/10/2023, UBND xã phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện Hạ Lang tiến hành kiểm tra hiện trường, kiểm đếm gỗ Thông bị khai thác tại vị trí thứ nhất thuộc rừng của ông Mã Văn A bị khai thác là 15 gốc, được cắt thành 53 khúc gỗ với khối lượng được tính là 4,492 m³, tại vị trí thứ hai là rừng của hộ gia đình bà Mông Thị H, với số lượng Thông bị khai thác là 88 gốc, được cắt thành 563 khúc, với khối lượng được tính là 29,592 m³. Xác định việc khai thác rừng có dấu hiệu của tội phạm, nên Hạt kiểm lâm huyện Hạ Lang đã quyết định khởi tố vụ án hình sự, sau đó chuyển hồ sơ vụ án cho Công an huyện Hạ Lang khởi tố bị can theo quy định.

Quá trình điều tra chứng minh được: Tháng 01 năm 2022, Hoàng Thị T hợp đồng với Trung tâm điều tra quy hoạch thiết kế nông lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp tỉnh Cao Bằng, để xây dựng phương án khai thác cây Thông tại rừng

phòng hộ của 15 hộ dân tại xóm C, xã Q, huyện L do bà Mã Thị K làm đại diện. Sau khi có phương án khai thác, T đã cho người đến kiểm tra ranh giới, trả tiền gỗ sẽ khai thác cho hộ gia đình ông Mã Văn A là 34.700.000 đồng, trả tiền gỗ sẽ khai thác cho hộ gia đình bà Mông Thị H là 52.200.000 đồng (còn nợ Huệ 15 triệu). Sau khi trả tiền, T đã thuê ông Phùng Chấn M đem theo 11 người vào khai thác với mỗi m³ được cắt khúc và đưa lên xe là 500.000 đồng. Số Thông được khai thác tại rừng ông A là 15 cây, được cắt thành 53 khúc, tương đương với 4,492 m³; số Thông được khai thác tại rừng bà H là 88 cây, được cắt thành 536 khúc tương đương với 29,592 m³. Đối chiếu với phương án khai thác của Trung tâm Điều tra quy hoạch thiết kế Nông lâm nghiệp Cao Bằng thì số Thông bị khai thác tại rừng ông A không nằm trong phương án thiết kế được khai thác, số Thông khai thác tại rừng của bà H là Lô 21, Lô 22 thuộc khoảnh 2A, tiểu khu 270 đều nằm trong phương án thiết kế khai thác, nhưng chỉ được khai thác từ năm 2025 và năm 2026.

Tại Bản Cáo trạng số 29/CT-VKSHL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: Bị cáo Hoàng Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như bản Cáo trạng đã truy tố. Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi là do nhận thức pháp luật còn hạn chế, cứ nghĩ rừng đã có phương án thiết kế và đã trả tiền cho người trồng rừng là được khai thác, nên dẫn tới phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là những người trực tiếp khai thác gỗ Thông có mặt tại phiên tòa, đều xác định ông Phùng Chấn M là người trực tiếp hợp đồng với bị cáo T, hiện nay ông M đã đi miền Nam chưa trả tiền công cho những người chặt cây, nên trách nhiệm trả tiền thuộc về ông Mìn. Tại cơ quan điều tra, ông Mã Văn A và bà Mông Thị H đều xác nhận khi mua cây bị cáo T đều cho rằng thủ tục, giấy tờ khai thác thì T tự lo hết nên mới đồng ý bán cây. Đối với số tiền cây còn thiếu, bà H không có yêu cầu bị cáo phải trả thêm, vì cây chưa được khai thác hết.

Kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Hoàng Thị T, sau khi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 232; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Hoàng Thị T với số tiền phạt từ 300 triệu đến 320 triệu đồng. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu phát mại số gỗ bị thu giữ là 34,084 m³ để sung công quỹ nhà nước. Về phần dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm trình độ học vấn của bị cáo, do khả năng đọc và viết bị hạn chế nên đã có hành vi cho phép người khai thác không đúng lô đất chưa đủ điều kiện khai thác hoặc khai thác không đúng năm đã được quy định, cho bị cáo được xử phạt tiền ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo Hoàng Thị T xin được giảm nhẹ mức phạt tiền để bị cáo nhanh chóng trả xong khoản tiền phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: những người vắng mặt Những người vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, xét thấy sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về hành vi mà bị cáo đã thực hiện và các yếu tố cấu thành tội phạm:

Ngày 11/10/2022 Hoàng Thị T đã thuê 12 nhân công do Phùng Chấn M làm tổ trưởng đến khai thác cây Thông, trồng tại rừng phòng hộ tại khu vực có tên gọi là R, thuộc xóm C, xã Q, huyện L, tỉnh Cao Bằng, số lượng thông bị khai thác tại 02 vị trí như sau:

- Vị trí thứ nhất là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2, có diện tích là 10.038 m²

được UBND huyện Hạ Lang cấp cho hộ ông Mã Văn A và bà Thẩm Thị I vào năm 2006. Theo bản đồ kiểm kê rừng năm 2015, xã Lý Quốc thì số cây Thông bị chặt thuộc thửa số 45, lô 71, khoảnh 2A, tiểu khu 270. Số diện tích bị khai thác là 110 m², số cây bị chặt là 15 cây Thông, số lượng gỗ bị khai thác được tính là 4,492 m³.

- Vị trí thứ hai bị khai thác là thửa số 41 tờ bản đồ số 2, có diện tích 12.627 m² được UBND huyện Hạ Lang cấp cho hộ ông Mã Đức D và bà Mông Thị H vào năm 2006. Theo bản đồ kiểm kê rừng năm 2015, xã Lý Quốc thì số cây Thông bị chặt thuộc thửa số 41, lô 72, khoảnh 2A, tiểu khu 270. Số diện tích bị khai thác là 2.200 m², số cây bị chặt là 88 cây Thông, số lượng gỗ bị khai thác được tính là 29,592 m³.

Đối chiếu với phương án khai thác rừng Thông trồng tại xóm Bằng Ca, xã Lý Quốc do Trung tâm Điều tra thiết kế Nông lâm nghiệp Cao Bằng đã lập thì lô 71 của ông A, bà I không nằm trong phương án khai thác. Đối với lô 72 của ông D, bà H nằm trong phương án khai thác do Trung tâm điều tra thiết kế Nông lâm nghiệp Cao Bằng lập thì thuộc lô số 21 và lô số 22 nhưng 02 lô chỉ được phép khai thác trong năm 2025 và năm 2026.

Theo điểm b khoản 3 điều 55 luật Lâm nghiệp có quy định: “*Được khai thác cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác theo phương thức khai thác chọn hoặc chặt trắng theo băng, đám rừng*” và tại điểm b, c khoản 3 Điều 20 của Nghị định 156/2018 hướng dẫn khoản 3 Điều 55 Luật Lâm nghiệp có ghi rõ về điều kiện và phương thức khai thác: “*b) chủ rừng phải lập phương án khai thác gỗ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*”; *c) Phương thức khai thác: Khai thác tỉa thưa cây trồng chính phải bảo đảm mật độ còn lại ít nhất 600 cây/ha và phân bố đều trong lô. Khai thác chọn cây trồng chính cường độ không quá 20% trữ lượng. Khai thác trắng theo băng thì chiều rộng băng không quá 30 m; khai thác trắng theo đám thì diện tích đám không quá 3 ha, tổng diện tích khai thác hằng năm không vượt quá 20% tổng diện tích rừng đã đạt tiêu chuẩn phòng hộ.*

Theo quy định này, số Thông bị khai thác trên thửa đất của ông A, bà I không nằm trong phương án khai thác. Đối với lô số 21, lô 22 là gỗ của rừng ông D, bà H là nằm trong phương án khai thác nhưng 02 lô này chỉ được khai thác trong năm 2025 và năm 2026, số gỗ được khai thác trong năm 2022 đã được bị cáo T khai thác hết, nên việc khai thác gỗ trong rừng phòng hộ khi chưa xây dựng phương án và khai thác rừng không đúng năm theo phương án là khai thác trái phép, làm ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ của rừng, là vi phạm khoản 1 Điều 19 của Nghị định 156/2018 và điểm b khoản 3 Điều 55 của Luật lâm nghiệp.

Khi thực hiện hành vi khai thác rừng, bị cáo là người có đầy đủ năng lực

hành vi, nhận thức được việc khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là phải có phương án khai thác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khai thác đúng diện tích và lô rừng được phê duyệt nhưng chỉ vì sự hạn chế về khả năng đọc văn bản, sự chủ quan đã không kiểm tra trước khi khai thác, vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu bị cáo đã thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép trong rừng phòng hộ, tổng số gỗ mà bị cáo T đã khai thác trái phép là 34,084 m³. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng là một trong các đối tượng quan trọng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ và có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm c khoản 2 Điều 232 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi xét xử lần này, bị cáo đã có hành vi khai thác rừng tự nhiên trái phép tại địa bàn huyện Hoà An, mặc dù số lượng gỗ đã khai thác chưa đến mức truy tố, nhưng do trước đó vào tháng 4/2023 bị cáo có hành vi khai thác trái phép tại Hạ Lang và đã bị Hạt kiểm lâm huyện Hạ Lang xử phạt hành chính nên bị cáo đã bị Toà án nhân dân huyện Hoà An xét xử và xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” theo khoản 1 Điều 232 BLHS. Tuy nhiên, hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp phạm tội trước nhưng xử sau, nên không thể coi là tình tiết “Tái phạm” cũng như không thể coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Trong lần phạm tội này, do số lượng gỗ bị khai thác trên mức khởi điểm tại khoản 2 Điều 232 BLHS và điều luật có quy định: “*Phạm tội trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng*”. Do tại phiên tòa, bị cáo đã nộp được 100.000.000 đồng với mục đích là được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính và tại phiên tòa bị cáo có nộp một số tài liệu để chứng minh về khả năng đáp ứng được số tiền phạt còn lại, nên không cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo.

Đối với những người được bị cáo T thuê đến chặt cây và bốc xếp gỗ lên xe ô tô để đem đi bán, được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người này khi đến khai thác đều được T thông báo là đã làm đầy đủ các thủ tục về giấy tờ trước khi khai thác và họ cũng không biết T khai thác gỗ là trái phép, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các chủ rừng là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đối với các thửa đất rừng bị khai thác nhưng bản thân các chủ rừng cũng không biết việc bị cáo T khai thác trái phép nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với số tiền công của những người chặt cây do trong quá trình điều tra đều không có yêu cầu và bà Mông Thị H không có yêu cầu đối với số tiền mua cây mà bị cáo chưa trả, nên không có căn cứ để xem xét.

Đối với số cây Thông bị chặt hạ có khối lượng là 34,084 m³ được coi là vật chứng của vụ án, đã được bàn giao cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang nên cần tịch thu sung công.

[5]. Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị T là người bị kết án nhưng bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 232; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 50; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 310.000.000đ (ba trăm mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng, nay còn phải nộp thêm 210.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu 34,084 m³ gỗ Thông để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận số gỗ thông nêu trên đã được bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Hoàng Thị Thủy được miễn 200.000 đồng án phí hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án liên quan đến phần quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án liên quan đến phần quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- Công an huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND xã Bạch Đằng;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lục Văn Doanh